TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **110**/2023/DS-ST
Ngày: 14-8-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh
Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 874/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1219/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Văn P**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: 61, xã S, huyện C, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hữu K**, sinh năm 1976;
Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: 212/99, khu phố 10, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

(Ông P có đơn xin xét xử vắng mặt, ông K và bà L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn – Ông Lê Văn P trình bày:

Vào ngày 10/8/2018, ông Nguyễn Hữu K và bà Phạm Thị L có mượn của ông Lê Văn P số tiền 50.000.000 đồng, có viết giấy tay và có chữ ký của hai bên. Trong giấy nợ, ông K và bà L có cam kết 03 tháng sau sẽ hoàn trả. Nhưng cho đến nay mặc dù ông đã nhiều lần đến gặp ông K và bà L nhưng ông K và bà L vẫn không trả lại số tiền trên. Khi nộp đơn khởi kiện, ông có nộp 02 giấy vay tiền trong đó có 01 giấy do chính ông K, bà L ký ngày 10/8/2018 nhưng hiện tại ông đã làm mất bản chính giấy vay tiền có chữ ký của hai bên ông K và bà L. Bà L có viết lại cho ông

01 giấy hẹn trả tiền, hẹn đúng ngày 15/4/2022 sẽ trả lại cho ông số tiền 50.000.000 đồng, ông đã cung cấp bản chính cho Tòa án. Ông đã đến gặp ông K và bà L nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng lần nào cũng không có kết quả, ông K và bà L không trả nợ cho ông.

Do ông Nguyễn Hữu K và bà Phạm Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nay ông Lê Văn P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu K và bà Phạm Thị L phải trả cho ông Lê Văn P số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và ông không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn – Ông Nguyễn Hữu K và bà Phạm Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp và xét xử nhưng ông K và bà L đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai tại Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng quy định pháp luật; Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:*

Hồ sơ vụ án thể hiện, ông Nguyễn Hữu K và bà Phạm Thị L có vay của ông Lê Văn P 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), việc vay tiền được lập thành giấy nợ ngày 10/8/2018 có chữ ký của hai bên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn P buộc Nguyễn Hữu K và bà Phạm Thị L phải trả cho ông Lê Văn P số tiền gốc là 50.000.000 đồng, ông P không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu K và bà Phạm Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến tại Tòa nên xem như ông K, bà L đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ, từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Như vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn P, buộc ông Nguyễn Hữu K và bà Phạm Thị L phải trả cho ông Lê Văn P số tiền gốc là 50.000.000 đồng. Ông K, bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo Biên bản xác minh ngày 20/4/2023 của Công an phường H, thành phố B, tỉnh Đ, bị đơn ông Nguyễn Hữu K và bà Phạm Thị L không đăng ký thường trú, tạm trú tại địa phương nhưng hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Số 212/99, Khu phố 10, phường H, thành phố B, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa theo điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, nguyên đơn ông Lê Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Hữu K và bà Phạm Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc theo giấy nợ ngày 10/8/2018. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[4] Về nội dung vụ án:

Toàn bộ hồ sơ ông Lê Văn P cung cấp cho Tòa án thể hiện, ông Nguyễn Hữu K và bà Phạm Thị L có vay của ông Lê Văn P 50.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 10/8/2018 có chữ ký của hai bên, tại giấy vay nợ này ông K và bà L hẹn sẽ trả nợ cho ông P sau 03 tháng. Sau nhiều lần đòi nợ, bà L có viết cho ông P 01 giấy hẹn trả tiền đúng ngày 15/4/2022 sẽ trả lại cho ông P số tiền 50.000.000 đồng. Từ đó đến nay, ông Nguyễn Hữu K và bà Phạm Thị L không trả cho ông Lê Văn P tiền vay như đã hẹn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được thỏa thuận trong giấy vay tiền. Tính đến ngày 14/8/2023, ông K và bà L vẫn còn nợ ông P 50.000.000 đồng, ông P yêu cầu ông K và bà L phải trả cho ông số tiền trên, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu K và bà Phạm Thị L đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Ông K, bà L vắng mặt và không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời cũng không cung cấp chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ án nên xem như ông K, bà L đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ, từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Như vậy, việc ông Lê Văn P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu K và bà Phạm Thị L phải trả cho ông Lê Văn P số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, có cơ sở để cho rằng, việc vay nợ và việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của ông K, bà L với ông P là có thật và cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn P. Buộc ông Nguyễn Hữu K và bà Phạm Thị L phải thanh toán cho ông Lê Văn P số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Ông P không yêu cầu ông K, bà L phải trả lãi nên không đặt ra xem xét giải quyết về lãi suất.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hữu K và bà Phạm Thị L phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Lê Văn P tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 39, 203, 205, 207, 227, 228, Điều 235; Điều 238 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn P.

Buộc ông Nguyễn Hữu K và bà Phạm Thị L phải thanh toán cho ông Lê Văn P số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu K và bà Phạm Thị L phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Lê Văn P số tiền 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005243 ngày 30/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

Nguyễn Thị Hồng Duyên